TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74 /2018/HNGĐ - ST
Ngày: 26 - 12 – 2018
V/việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Ninh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Chiến
Bà Mai Tường Vi

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Loan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Bích Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 443/2018/TLST - HNGĐ ngày 09/7/2018 về việc: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 27/11/2018; quyết định hoãn phiên tòa số 52/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 13/12/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn*:* Chị Trần Thị B; sinh năm 1977

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 2, khu Đ, phường T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Có mặt tại phiên tòa

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1978;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : Tổ 6, phường H, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở: Tổ 2, khu Đ, phường T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/9/2018, bản tự khai ngày 14 tháng 11 năm 2018, nguyên đơn là chị Trần Thị B khai:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị B và anh Nguyễn Trường Gtự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 27/5/2011 và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn, trước khi kết hôn chị B và anh G có thời gian tìm hiểu nhau 01 năm, cả hai đều đã có vợ có chồng nhưng đã ly hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống gia đình mẹ đẻ của chị, tại Tổ 2, khu Đ, phường T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến cuối năm 2014 phát sinh mâu

thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh G không chịu đi làm giúp đỡ vợ con, dẫn đến mâu thuẫn gia đình ngày càng căng thẳng, mặc dù chị đã góp ý khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh G không thay đổi. Vợ chồng tuy ở chung nhà nhưng đã sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay không còn quan hệ tình cảm. Đến nay, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh G đã thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trường G.

+ Về con chung: Chị Trần Thị B xác định chị và anh Nguyễn Trường G có 01 con chung, họ tên là Nguyễn Đức M sinh ngày aaaaaa. Khi ly hôn, chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên (đủ 18) tuổi và không yêu cầu anh Nguyễn Trường Gphải cấp dưỡng cho con.

+ Về tài sản chung: Chị Trần Thị B yêu cầu được tự thỏa thuận chia tài sản chung với anh Nguyễn Trường G, vì vậy, chị Trần Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về quyền, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Trần Thị B và anh Nguyễn Trường G không có quyền, nghĩa vụ chung về tài sản đối với người thứ ba, vì vậy, chị Trần Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 20/11/2018 có sự tham gia của ông Phạm Quang H là khu trưởng khu phố Đ, phường T, thành phố C, có nội dung: Chị Trần Thị Bình và anh Nguyễn Trường Giang có đăng ký kết hôn tại địa phương năm 2011, trong cuộc sống chung của vợ chồng chị B, anh G, tổ dân khu phố thấy hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và cách nuôi dạy con cái, tính cách không hợp nhau, quan hệ vợ chồng ngày càng căng thẳng, thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Từ đầu năm 2015 cho đến nay, chị B, anh G đã sống ly thân,hai bên không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn của vợ chồng chị B, anh G đã được tổ dân, khu phố hòa giải, khuyên bảo nhưng không thành. Từ những mâu thuẫn của vợ chồng chị B, anh G, đại diện khu phố Lao Động đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh G theo qui định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/11/2018, bà Đặng Thị V là mẹ đẻ của anh Nguyễn Trường G có lời khai thể hiện: Bà Đặng Thị Vxác nhận anh Nguyễn Trường G là con trai của bà, chị Trần Thị B là con dâu bà, sau khi anh chị B, G kết hôn năm 2011 không về chung sống tại gia đình nhà bà, mà ở nhà mẹ đẻ của chị Btại Tổ 2, khu Đ, phường T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, trong quá trình chung sống chị B và anh G có mâu thuẫn như thế nào thì tôi không biết. Bà không mong muốn các con ly hôn, nhưng nếu chị B kiên quyết đòi ly hôn, thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/11/2018 có sự tham gia của bà Diệp A M là mẹ đẻ của chị Trần Thị Bình có nội dung: Bà M xác nhận anh Nguyễn Trường G là con rể, chị Trần Thị B là con con gái của bà, sau khi kết hôn, hai vợ chồng về sống tại nhà bà tại Tổ 2, khu Đ, phường T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh,trong quá trình chung sống vợ chồng B, Gcó xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, quan hệ vợ chồng ngày càng căng thẳng. Từ năm 2015 cho đến nay, chị B, anh G đã sống ly thân nhưng vẫn ở chung nhà, là người mẹ, bà không muốn các con ly hôn, tuy nhiên, sau khi khuyên giải các con nhưng không có kết quả, thì bà cũng tôn trọng quyết định của các con.

Bà M cũng cho biết, tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án mà bà nhận thay anh G, bà đều thông báo và giao lại các văn bản trên cho anh G, anh Gcó nói lại với bà là đồng ý ly hôn với chị B, còn việc anh G không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn là do điều kiện công việc của anh G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Anh Nguyễn Trường G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo qui định tại Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Trường G.

[2] **Về hôn nhân:**

Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị B và anh Nguyễn Trường G là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và cách nuôi dạy con cái, tính cách không hợp nhau, quan hệ vợ chồng ngày càng căng thẳng, thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Từ năm 2015 cho đến nay, chị B, anh G đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan hệ tình cảm, không quan tâm đến nhau nữa, đã gây ảnh hưởng xấu đến quan hệ hôn nhân. Tại phiên tòa chị B vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Trường G, như vậy chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh Gđã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Trường G là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] **Về con chung và cấp dưỡng cho con:**

[3.1] **Về con chung** : Chị Trần Thị B và anh Nguyễn Trường G có 01 con chung, họ tên là Nguyễn Đức M, sinh ngày aaaaaa.

Xét yêu cầu của chị Bình thấy: Chị B có yêu cầu khi ly hôn, chị là người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày aaaaaa đến tuổi thành niên. Xét thấy chị B hiện nay đang có công việc ổn định, thu nhập bình quân là 10.000.000đ một tháng, có nơi ở, sinh hoạt ổn định tại nhà của mẹ đẻ, có các điều kiện cần thiết đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, con chung còn nhỏ tuổi, rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Tuy nhiên, trong suốt quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án, anh Nguyễn Trường G đã không đến Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình, vì vậy, đây thuộc trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định, giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Từ những đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn của chị Trần Thị B là có căn cứ,

phù hợp với qui định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được chấp nhận.

[3.2] **Về cấp dưỡng cho con:**

Quá trình giải quyết vụ án, chị Bình yêu cầu anh Nguyễn Trường G phải cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng), Trước khi mở phiên tòa, chị B có đơn xin sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh Nguyễn Trường G phải cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa, chị B vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, Hội đồng xét xử xét thấy khi ly hôn, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên là quyền và nghĩa vụ của cả cha và mẹ, chị B không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng cho con là quyết định cá nhân của chị B, cần được tôn trọng, vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của chị Trần Thị B.

[3] **Về tài sản chung:**

Chị Trần Thị B yêu cầu được tự thỏa thuận chia tài sản chung với anh Nguyễn Trường G , vì vậy, chị Trần Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy, Hội đồng xét xử không xét.

[4] **Công nợ chung:**

Chị Trần Thị B xác định chị và anh Nguyễn Trường G không có công nợ chung, chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

[5] **Về án phí:**

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án thì chị Bình phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Trần Thị B

Cho ly hôn giữa chị Trần Thị B và anh Nguyễn Trường G

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng cho con của chị Trần Thị B

2.1. Giao con chung Nguyễn Đức M, sinh ngàyaaaaaa cho chị Trần Thị B được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi)

2.2. Anh Nguyễn Trường Gkhông phải đóng góp nuôi con với chị Trần Thị B.

2.3. Anh Nguyễn Trường Gcó quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Trần Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0004239 ngày 29/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị B có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Trường G có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKSND TP C/Phả;*
- *TAND tỉnh Q/N;*
- *THADS TP C/Phả;*
- *Các đương sự*
- *UBND phường T,TP C*
- *Lưu hồ sơ-Vp.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Hồng Ninh

Nơi nhận:
- *VKSND TP C/Phả;*
- *TAND tỉnh Q/N;*
- *THADS TP C/Phả;*
- *Các đương sự*
- *UBND phường Cẩm Trung,TP Cẩm Phả*
- *Lưu hồ sơ-Vp.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Hồng Ninh